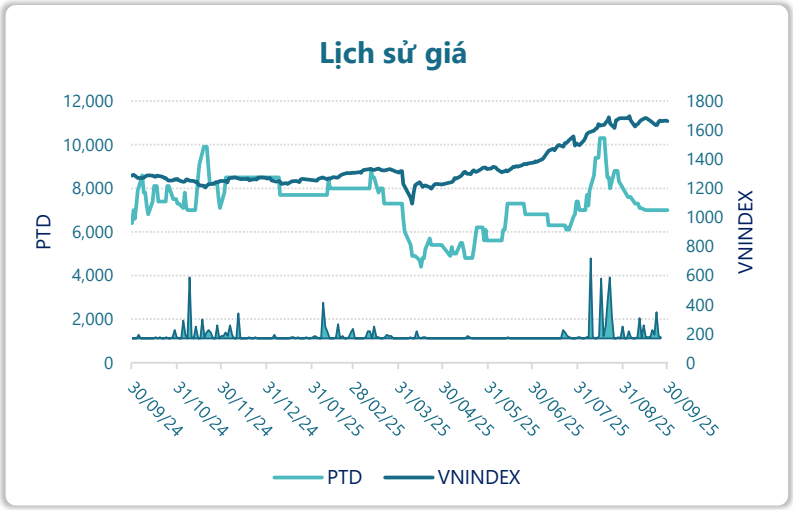
FireAnt

CTCP Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (HNX: PTD)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
SL cổ phiếu LH	4,999,933
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35
% sở hữu nước ngoài	18.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	35
P/E	-1.9
EPS	-3,689

DT thuần

Q3/25

73.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.60| 11.6%

YoY: ▲ 30.0| 69.6%

LN sau thuế

Q3/25

0.36

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.41| -94.7%

YoY: ▲ 9.56| 104%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.9%

+/- YoY: ▲ 20.6%

DT thuần

9T 2025

158

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.00| -1.8%

LN sau thuế

9T 2025

0.50

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.8| 103%

ROE

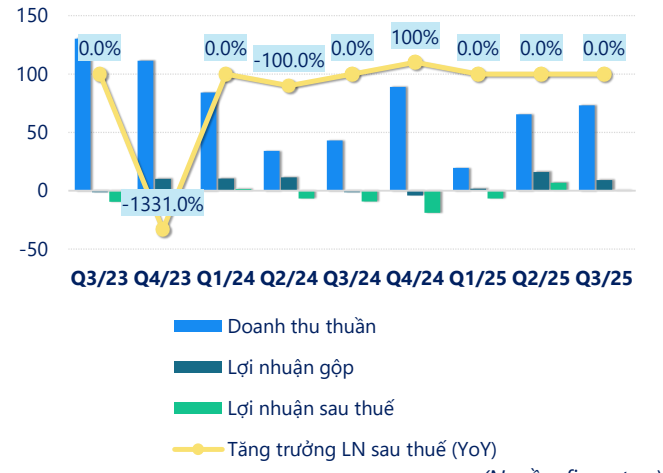
Q3/25

-59.2%

+/- YoY: ▼ 28.0%

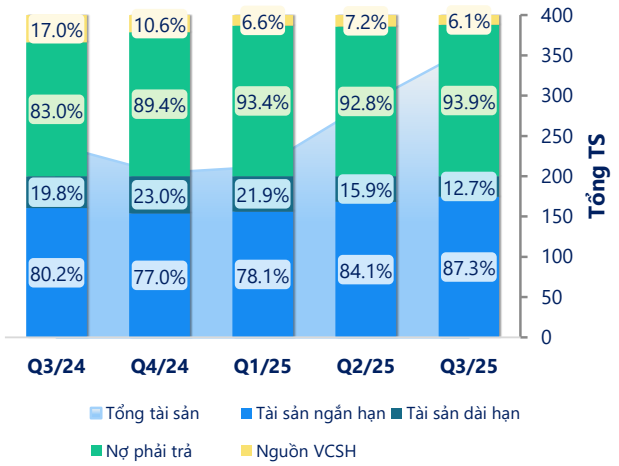
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



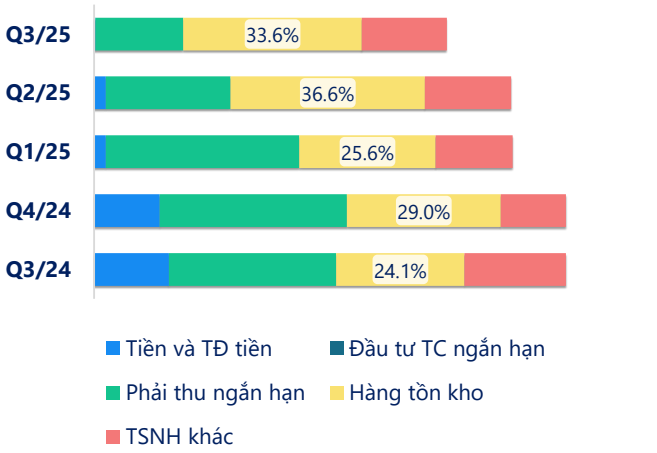
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



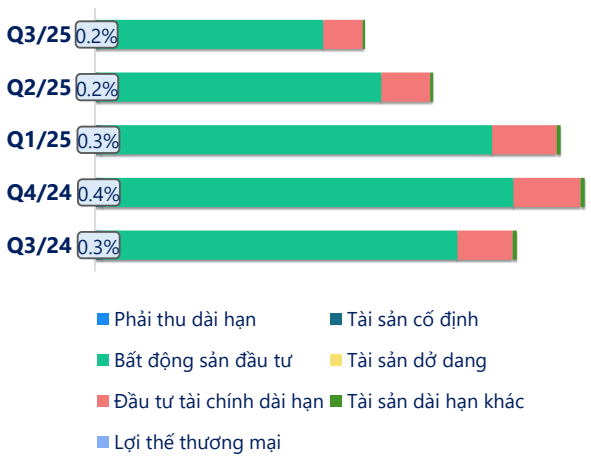
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



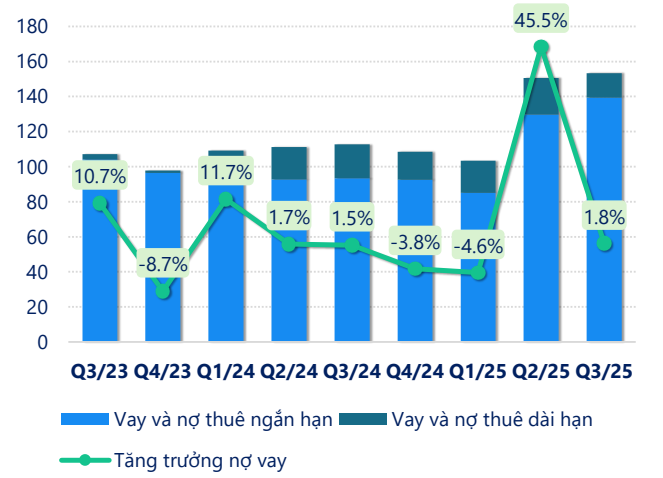
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



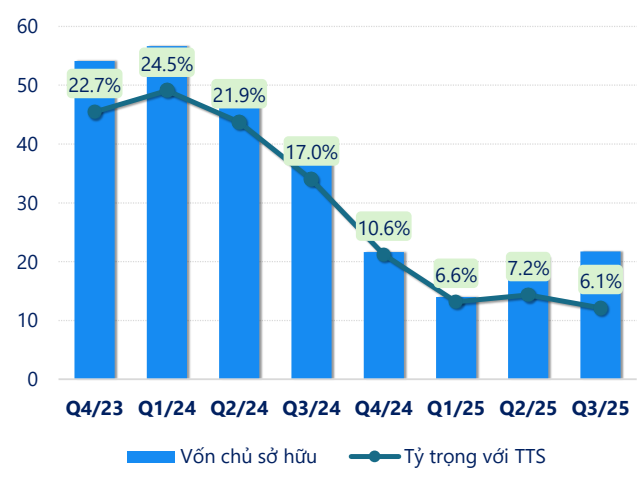
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



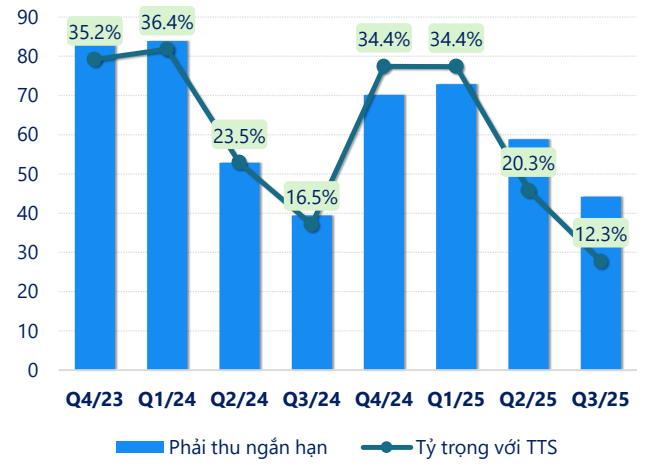
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



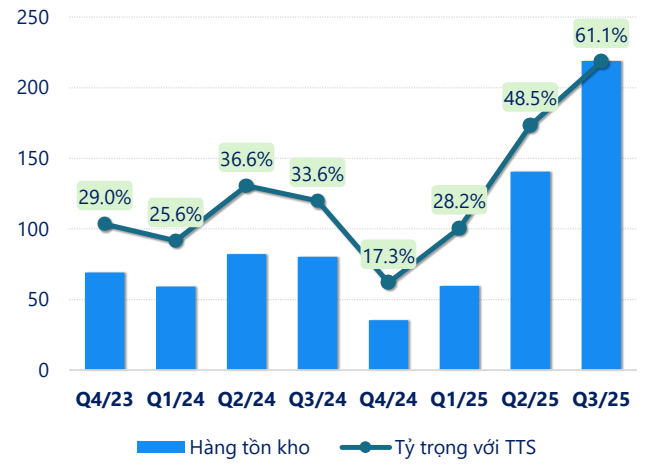
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



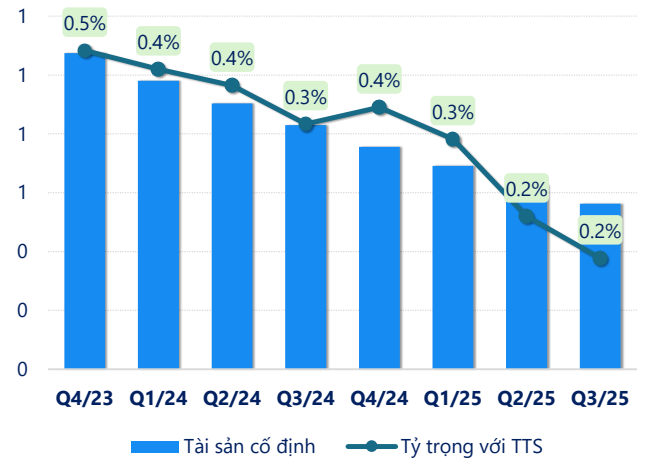
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



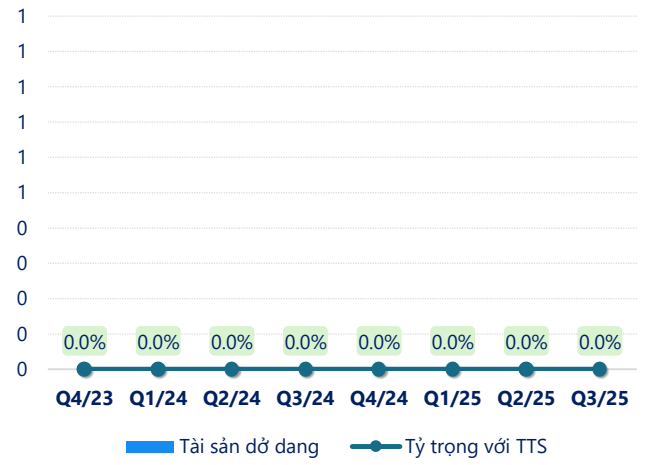
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



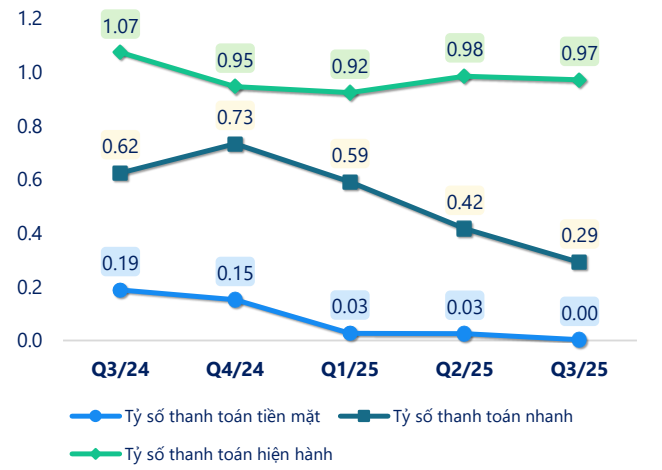
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



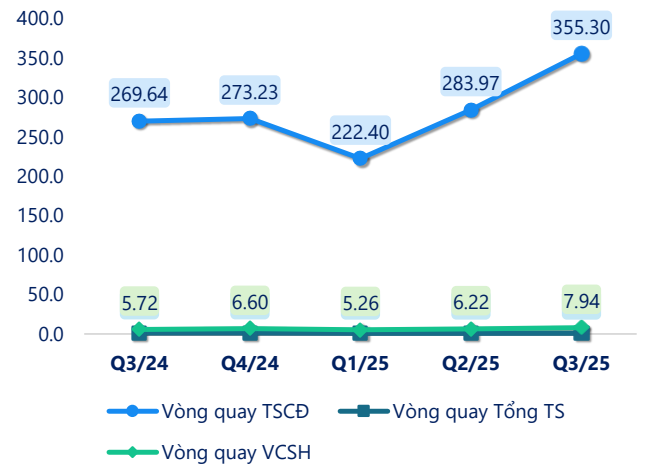
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**239**	**204**	**212**	**289**	**358**
Tài sản ngắn hạn	**191**	**157**	**165**	**243**	**312**
Tiền và tương đương tiền	33.6	25.1	4.74	6.31	0.94
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	39.4	70.2	72.9	58.9	44.2
Hàng tồn kho	80.1	35.4	59.6	140	219
Tài sản ngắn hạn khác	38.2	26.3	28.2	37.7	48.5
Tài sản dài hạn	**47.3**	**46.9**	**46.4**	**46.0**	**45.4**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.83	0.76	0.69	0.63	0.56
Bất động sản đầu tư	39.9	39.4	38.9	38.4	37.9
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	6.18	6.43	6.44	6.63	6.63
Tài sản dài hạn khác	0.46	0.40	0.39	0.40	0.38
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**198**	**182**	**198**	**269**	**336**
Nợ ngắn hạn	**178**	**166**	**179**	**247**	**322**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	93.3	92.5	85.1	130	139
Phải trả người bán ngắn hạn	71.0	55.3	64.5	81.2	113
Nợ dài hạn	19.8	16.4	18.7	21.5	14.6
Vay và nợ thuê dài hạn	19.5	16.1	18.4	20.9	14.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**40.6**	**21.6**	**14.0**	**20.7**	**21.7**
Vốn chủ sở hữu	**40.6**	**21.6**	**14.0**	**20.7**	**21.7**
Vốn điều lệ	50.0	50.0	50.0	50.0	50.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)